

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03.../2012/QĐ-UBND

Tân Yên, ngày 26... tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, cách đánh giá, xếp loại
trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
và Chủ tịch UBND xã, thị trấn trong thi hành công vụ**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thành phố; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 193/2011/QĐ- UBND ngày 31/5/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 130/TTr-NV ngày 15/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí đánh giá, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND xã, thị trấn trong thi hành công vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND huyện Tân Yên.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND xã, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; (để thực hiện)
- UBND tỉnh; (b/c)
- Sở Nội vụ; (b/c)
- Sở Tư pháp; (b/c)
- TTCB- VPUBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Dương

QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND xã, thị trấn trong thi hành công vụ

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2012/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của UBND huyện Tân Yên)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND xã, thị trấn trong thi hành công vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện.
2. Chủ tịch UBND xã, thị trấn.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Người đứng đầu được đánh giá, xếp loại trách nhiệm hàng năm theo tiêu chí, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, ý thức chấp hành và thứ tự tổng số điểm đạt được từ cao đến thấp, chia thành 04 nhóm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.
2. Chấm điểm, đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu bảo đảm thực chất, khách quan, dân chủ, công bằng và công khai.

Chương II TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 4. Tiêu chí đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

1. Kết quả thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm hàng năm do người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện xây dựng và được Chủ tịch UBND huyện chấp thuận.
2. Chất lượng tham mưu, đề xuất với Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng; số lượng, chất lượng văn bản tham mưu, đề xuất được ghi nhận.
3. Ý thức chấp hành sự chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của cấp trên; sáng tạo trong tổ chức thực hiện; phối hợp với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị phê bình, nhắc nhở bằng văn bản.

4. Hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành; phát huy dân chủ, kỷ luật, kỷ cương, giữ gìn đoàn kết; có ý tưởng, quyết đáp mới; áp dụng công nghệ thông tin; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý; tác phong làm việc, lối sống gương mẫu.

5. Kết quả cải cách hành chính; áp dụng tiêu chuẩn ISO; chất lượng thực hiện cơ chế “một cửa” (đối với các cơ quan có nội dung thực hiện cơ chế); đơn giản hóa, công khai hóa, minh bạch các thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị; giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định; thực hiện có hiệu quả thời giờ làm việc; thực hiện văn hóa công sở.

6. Ban hành và thực hiện có hiệu quả quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan không vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng và đảm bảo an toàn giao thông.

Điều 5. Tiêu chí đánh giá trách nhiệm Chủ tịch UBND xã, thị trấn

1. Kết quả thực hiện 05 nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trọng tâm của xã, thị trấn do Chủ tịch UBND xã, thị trấn xây dựng hàng năm được Chủ tịch UBND huyện chấp thuận.

2. Ý thức chấp hành sự chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của cấp trên; sáng tạo trong tổ chức thực hiện; phối hợp để thực hiện nhiệm vụ; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị phê bình, nhắc nhở bằng văn bản.

3. Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện các quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; số lượng, chất lượng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; tỷ lệ thực hiện các quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết khiếu nại, tố cáo; không để tình trạng khiếu kiện đông người; khiếu kiện kéo dài và xảy ra các vụ việc phức tạp.

4. Hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; phát huy dân chủ, kỷ cương, kỷ luật; giữ gìn đoàn kết; có ý tưởng, quyết đáp mới; áp dụng công nghệ thông tin; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý; tác phong làm việc, lối sống gương mẫu.

5. Kết quả cải cách hành chính và chất lượng thực hiện cơ chế “một cửa”, đơn giản hóa, công khai hóa, minh bạch các thủ tục hành chính tại UBND xã, thị trấn; giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định, thực hiện có hiệu quả thời giờ làm việc; thực hiện văn hóa công sở.

6. Ban hành và thực hiện có hiệu quả quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong đơn vị; cán bộ, công chức của đơn vị không vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng và đảm bảo an toàn giao thông.

Chương III

CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI

TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU

Điều 6. Nguyên tắc chấm điểm

1. Đối với 05 nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, Điều 4 và Khoản 1, Điều 5 Quy định này chấm điểm theo nguyên tắc định lượng và định tính:

a) Những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu mang tính định lượng: Những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch từ 1% đến 30% cộng 01 điểm; từ 31% đến 50% cộng 03 điểm; từ 51% đến dưới 100% cộng 05 điểm. Nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch được điểm tối đa là 100 điểm. Những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch: Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% tính 50% số điểm; từ 50% đến 69% tính 30% số điểm; từ dưới 50% trở xuống, không tính điểm;

b) Những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu mang tính định tính: Những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch được cộng 01 điểm; hoàn thành kế hoạch tính điểm tối đa nhiệm vụ đó; những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu không hoàn thành theo mốc thời gian đăng ký, nhưng hoàn thành trong năm thì tính 50% tổng số điểm; không hoàn thành kế hoạch, không tính điểm;

c) Những nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu do người đứng đầu đăng ký đã được chấp thuận, song do điều kiện khách quan (như thiên tai, thay đổi chính sách của cấp trên,...), không được triển khai thực hiện hoặc triển khai thực hiện nhưng không hoàn thành như đã đăng ký, thì tính bằng 50% tổng số điểm của nhiệm vụ, nội dung hoặc chỉ tiêu đó.

2. Đối với nhiệm vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, Điều 4 và Khoản 2, 3, 4, 5, 6, Điều 5 Quy định này, chấm điểm theo nguyên tắc sau:

a) Mỗi nhiệm vụ trọng tâm tính điểm tối đa 100 điểm (điểm 100 tính khi nhiệm vụ đó hoàn thành tốt, có thành tích, cụ thể, chi tiết, rõ ràng được cấp trên ghi nhận);

b) Tính điểm tương ứng với tỷ lệ % hoàn thành.

c) Cơ quan, địa phương, đơn vị thực hiện không tốt quy định về văn hoá công sở, bị cơ quan có thẩm quyền phê bình, trừ 30 điểm.

d) Không tính điểm cộng cho các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 4 và Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Cách chấm điểm

1. Đối với 05 nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, Điều 4 và Khoản 1, Điều 5 Quy định này:

a) Mỗi nhiệm vụ có thể có 01 nội dung hoặc nhiều nội dung; mỗi nội dung có thể có 01 chỉ tiêu hoặc nhiều chỉ tiêu. Điểm của một nhiệm vụ trong tâm 100 điểm; điểm của một nội dung bằng điểm của một nhiệm vụ trong tâm chia cho tổng các nội dung; điểm của một chỉ tiêu bằng điểm của một nội dung chia cho tổng số chỉ tiêu.

b) Một nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành tính 100 điểm. Cách cộng điểm, trừ điểm theo Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

2. Đối với nhiệm vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, Điều 4 và Khoản 2, 3, 4, 5, 6, Điều 5 Quy định này:

a) Một nhiệm vụ trọng tâm 100 điểm: Cách cho điểm theo Khoản 2, Điều 6 Quy định này.

b) Nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành dưới 50% không tính điểm.

c) Điểm trừ được thực hiện theo Khoản 2, Điều 6 Quy định này:

- Một việc không hoàn thành đúng thời gian quy định do chủ quan, trừ 10 điểm;
- Tham mưu ban hành văn bản sai sót phải sửa đổi trừ 05 điểm; đình chỉ thi hành trừ 10 điểm; trái quy định phải hủy bỏ trừ 20 điểm;
- Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện phê bình, nhắc nhở bằng văn bản, một lần trừ 10 điểm;
- Chương trình, Đề án, kế hoạch, cơ chế chính sách trình UBND huyện không được thông qua, trừ 10 điểm;
- Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, trừ 50 điểm;
- Chấp hành chế độ thông tin báo cáo chậm so với quy định, mỗi lần chậm trừ 10 điểm; không báo cáo trừ 20 điểm (kể cả báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất);
- Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp thi hành công vụ vi phạm pháp luật bị khởi tố trừ 50 điểm; buộc thôi việc trừ 30 điểm, cảnh cáo trừ 20 điểm, khiển trách trừ 10 điểm.

Điều 8. Đánh giá trách nhiệm người đứng đầu

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND xã, thị trấn tự chấm điểm, đánh giá trách nhiệm và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ nêu tại Điều 4, Điều 5 Quy định này.
2. Tổ công tác giúp Chủ tịch UBND huyện có nhiệm vụ rà soát, thẩm định việc tự chấm điểm, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong thi hành công vụ.
3. Chủ tịch UBND huyện đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Điều 9. Xếp loại trách nhiệm người đứng đầu

1. Khung điểm xếp loại:
 - a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tổng số điểm từ 1000 điểm trở lên.
 - b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổng số điểm từ 800 điểm đến dưới 1000 điểm.
 - c) Hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm từ 700 đến dưới 800 điểm.
 - d) Không hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm dưới 700 điểm.
2. Tổ công tác giúp Chủ tịch UBND huyện căn cứ kết quả tự chấm điểm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát, chấm điểm, dự kiến xếp loại trách nhiệm người đứng đầu theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy định này và theo thứ tự từ người có tổng số điểm cao đến thấp; báo cáo Chủ tịch UBND huyện.
3. Chủ tịch UBND huyện quyết định xếp loại trách nhiệm người đứng đầu theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy định này theo thứ tự từ người có tổng số điểm cao đến thấp. Chủ tịch UBND huyện báo cáo Thường trực Huyện ủy và thông báo kết quả xếp loại tới các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn.

Điều 10. Khen thưởng và xem xét xử lý trách nhiệm người đứng đầu

1. Khen thưởng: Trong kỳ bổ nhiệm chức vụ hoặc bầu cử, người đứng đầu có 01 năm xếp loại trách nhiệm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen; 02 năm liên tục đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen.

2. Xem xét xử lý: Trong kỳ bổ nhiệm chức vụ hoặc bầu cử, người đứng đầu có 01 năm xếp loại trách nhiệm không hoàn thành nhiệm vụ, Chủ tịch UBND huyện phê bình nhắc nhở; 02 năm liên tục xếp loại trách nhiệm không hoàn thành nhiệm vụ, Chủ tịch UBND huyện đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, xử lý theo quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND xã, thị trấn

1. Về việc xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm:

a) Căn cứ Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện, Nghị quyết đại hội Đảng bộ, chi bộ, các chương trình phát triển kinh tế- xã hội trọng tâm, chỉ đạo của ngành dọc cấp trên, của UBND huyện và thực tiễn tình hình của ngành, địa phương xây dựng 05 nhiệm vụ trọng tâm (đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện), 05 nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trọng tâm (đối với Chủ tịch UBND xã, thị trấn); đồng thời cụ thể hóa 05 nhiệm vụ chung nêu tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 4 Quy định này và Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 5 Quy định này trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, chấp thuận, trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

b) Các nhiệm vụ trọng tâm hàng năm do thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện xây dựng phải bàn dân chủ, thống nhất trong tập thể lãnh đạo cơ quan, cấp ủy cơ quan; báo cáo xin ý kiến đồng chí lãnh đạo UBND huyện phụ trách khối trước khi trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, chấp thuận.

c) Các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trọng tâm hàng năm do Chủ tịch UBND xã, thị trấn xây dựng phải được bàn bạc dân chủ, thống nhất trong tập thể UBND; xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực HĐND xã, thị trấn, đồng chí Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy phụ trách cụm, đồng chí Huyện ủy viên phụ trách cơ sở trước khi trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, chấp thuận.

2. Về việc đánh giá, chấm điểm:

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tự đánh giá, báo cáo tập thể lãnh đạo cơ quan, cấp ủy chi bộ và xin ý kiến đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách khối; gửi kết quả về Phòng Nội vụ để tổng hợp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

b) Chủ tịch UBND xã, thị trấn tự đánh giá, báo cáo UBND xã, thị trấn, xin ý kiến Thường trực HĐND, Ban thường vụ Đảng ủy xã, thị trấn và báo cáo kết quả về Phòng Nội vụ để tổng hợp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Điều 12. Trách nhiệm của Tổ công tác giúp việc Chủ tịch UBND huyện

Rà soát, chấm điểm và dự kiến xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trình Chủ tịch UBND huyện trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 13. Trách nhiệm của Phòng Nội vụ

1. Hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định việc đăng ký các nhiệm vụ trọng tâm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;

Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và tổng hợp kết quả, báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, chấp thuận.

3. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu (do Tổ công tác gửi đến), báo cáo Chủ tịch UBND huyện xong trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

4. Theo dõi, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề xuất của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND xã, thị trấn về nội dung quy định này; kịp thời tham mưu, trình UBND huyện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Dương